TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 26/2025/QĐST-HNGĐ
Ngày 10/4/2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hải Bằng

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 118/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số 148/2025/QĐMPH-HNGĐ ngày 26/3/2025 gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu:

- Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1984; địa chỉ: Số A Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Phạm D**, sinh năm 1965; địa chỉ: G. 33, 39288 B, Cộng hoà liên bang Đ. Anh Phạm D uỷ quyền cho chị H giao nhận văn bản với Toà án.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn ly hôn cùng các tài liệu kèm theo, người yêu cầu là chị Phạm Thị H, anh Phạm D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 06/02/2015 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh D về Đ chuẩn bị thủ tục đón chị H sang Đức đoàn tụ. Tuy nhiên thủ tục không thuận lợi và kéo dài nhiều năm, chị H không sang Đức được. Mặc dù vợ chồng có liên lạc nhưng do khoảng cách nên tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt, từ năm 2022 phát

sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, định hướng tương lai khác nhau. Nay chị H và anh D xác định tình cảm không thể hàn gắn nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

- Về quan hệ con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Chị H và anh D đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt; anh D uỷ quyền cho chị H giao nhận văn bản với Toà án thì chị H đồng ý.

Tại phiên họp:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết việc hôn nhân và gia đình, đề nghị Thẩm phán áp dụng quy định của pháp luật, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm D; chị H và anh D mỗi người chịu một nửa lệ phí giải quyết việc (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị H và anh D yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con chung. Chị H, anh D đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng anh D đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết việc hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về tính hợp pháp của văn bản: Các văn bản của anh D ở nước ngoài lập bằng tiếng Việt, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài nên công nhận các văn bản này theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 478 BLTTDS.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên họp, các đương sự đều vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 367 BLTTDS, Toà án tiến hành phiên họp giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H ở Việt Nam còn anh D về Đức, thủ tục đoàn tụ kéo dài trong nhiều năm không thực hiện được. Mặc dù vợ chồng vẫn liên lạc nhưng từ năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không có tiếng nói chung, định

hướng tương lại khác nhau. Xét thấy chị H và anh D mỗi người ở một quốc gia khác nhau, vợ chồng ly thân đã lâu không đoàn tụ được, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh chị theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Không có nên không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh D thống nhất không yêu cầu nên cần chấp nhận.

[5] Về lệ phí: Chị H và anh D mỗi người chịu một nửa lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39, điểm c khoản 2 Điều 478, khoản 2 Điều 367, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm Daniel .

2. Về tài sản chung, nợ chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm D về việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

3. Về lệ phí: Chị Phạm Thị H và anh Phạm D mỗi người phải chịu cả 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng anh Trần Văn T đã nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 06/3/2025 theo biên lai ký hiệu BLTU/24, số 0001698; chị H và anh D đã nộp đủ.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng